

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 07-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị An;

Bà Phùng Ngọc Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 536/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (viết tắt là KBank); địa chỉ: Số 40 - 42 - 44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Công B - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đỗ Trọng A, ông Trịnh Xuân H - Chuyên viên xử lý nợ (theo Quyết định ủy quyền số 74/QĐ-NHKL ngày 17-01-2022, Giấy ủy quyền số 1107/UQ-NHKL ngày 25-8-2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K). Ông Đỗ Trọng A, có mặt.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Trần Ngọc T; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2.2. Bà Nông Thị D, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thúy M, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.2. Bà Nông Thị D, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.3. Ông Nông Văn N, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.4. Bà Phan Thị P, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2022, các lời khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đỗ Trọng A trình bày:

Ngày 03-8-2017, KBank và vợ chồng ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D ký Hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) số 373/17/HĐTD/1402-1573 với nội dung: Ngân hàng cho bên vay với số tiền là 208.000.000 đồng, loại tiền vay: Việt Nam đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Tiêu dùng phục vụ cuộc sống; thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Mức lãi suất quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Mức lãi suất trong hạn được tính ban đầu thể hiện trên Khế ước nhận nợ, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/ lần. Bên vay phải chịu tiền lãi chậm trả lãi được tính 10%/năm. Kỳ hạn trả lãi vay 01 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 01 tháng tính từ ngày tiếp theo sau của ngày giải ngân.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 246-A-2, diện tích 324m²; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số CH891134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 0463/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 11-5-2017 cho ông Trần Ngọc T và bà Nông Thị D.

Thực hiện HĐTD, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay với số tiền vay là 208.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 11,61%/năm theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 373/17/ KUNN ngày 03-8-2017. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 20-10-2017, món vay

chuyển nợ quá hạn. KBank đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

KBank và ông Trần Ngọc T ký Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế số 0020/17/TC1402-1573 với nội dung: Ngân hàng cho bên vay hạn mức dư nợ tối đa với số tiền là 40.000.000 đồng, loại tiền vay: Việt Nam đồng. Ngày 05-9-2017, Ngân hàng giải ngân cho bên vay 38.500.000 đồng. Theo quy định của KBank thì lãi suất trong hạn đối với Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế được tính là 22%/tháng; phí phạt chậm trả được tính là 3,5% x số tiền chậm trả; phí phạt vượt hạn mức được tính là 0,075%/ngày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện: Buộc vợ chồng ông T, bà D phải thanh toán cho KBank số tiền tính đến ngày 07-7-2023 là: 236.328.025 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là: 116.200.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn là: 63.828.465 đồng, dư nợ lãi quá hạn là: 41.916.743 đồng, lãi chậm trả lãi là 14.382.817 đồng. Kể từ ngày 08-7-2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T, bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp ông T, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì KBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CNQSDĐ số CH891134. Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T phải thanh toán cho KBank theo Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế số 0020/17/TC1402-1573 với lý do ông T thanh toán thêm 108.252.911 đồng cho các hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D được triệu tập hợp lệ, nhưng không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nông Văn N, bà Phan Thị P được triệu tập hợp lệ, nhưng không trình bày ý kiến.

Tại các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hoàng Thúy M và bà Nông Thị D thống nhất trình bày như sau:

Nguồn gốc Thửa đất số 574 thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nông Văn T (đã chết năm 2021), bà Hoàng Thúy M. Ngay sau khi vợ chồng ông T, bà M tặng cho con quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, thì vợ chồng ông T, bà D làm thủ tục, được cấp Giấy CNQSDĐ số CH891134 ngày 11-5-2017. Gia đình không ý kiến việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà chỉ xin ngân hàng miễn, giảm lãi suất để bị đơn có cơ hội thanh toán trả hết nợ. Bà D, vợ chồng ông N, bà P không liên quan vụ án. Bà D được vợ chồng bị đơn liên lạc nhờ giúp trao đổi với ngân hàng để bàn bạc phương án thanh toán nợ, đề nghị xin miễn giảm tiền lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D phải thanh toán cho KBank toàn bộ số tiền tính đến ngày 07-7-2023 là 236.328.025 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03-8-2017. Trường hợp ông T, bà D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03-8-2017, thì KBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 574, tờ bản đồ số 246-A-2, diện tích 324m²; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy CNQSDĐ số CH891134 ngày 11-5-2017. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế số 0020/17/TC1402-1573. Vợ chồng ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: KBank khởi kiện ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D, cư trú tại huyện An Lão, thành phố Hải Phòng về hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện An Lão giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng, phù hợp quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông T, bà D thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự, thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân huyện An Lão tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai, phù hợp quy định theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[3] Nhận định về trách nhiệm thanh toán:

[3.1] Về hiệu lực hợp đồng: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện khi giao kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết. Bên vay cam kết thực hiện trách nhiệm thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn với mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; bên vay phải trả lãi quá hạn được xác định bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, phù hợp các điều 9, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 23, 27, 28 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước.

[3.2] Về dư nợ gốc tính đến ngày 07-7-2023: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, phát sinh lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Bị đơn vay nợ gốc: 208.000.000 đồng, đã thanh toán: 91.800.000 đồng, nên dư nợ gốc là: 116.200.000 đồng.

[3.3] Về dư nợ lãi tính đến ngày 07-7-2023: Ông T, bà D đã thanh toán 54.098.721 đồng trên tổng số nợ lãi trong hạn phải trả là 117.927.186 đồng, nên dư nợ lãi trong hạn là: 63.828.465 đồng. Bị đơn thanh toán 18.469.848 đồng trên tổng số nợ lãi quá hạn phải trả là 60.386.591 đồng, nên dư nợ lãi quá hạn là: 41.916.743 đồng. Bị đơn thanh toán 16.990.498 đồng trên tổng số tiền lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả phải trả là 31.373.315 đồng, nên tiền lãi chậm trả lãi là 14.382.817 đồng.

[3.4] Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; thì ông T, bà D phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 07-7-2023 với tổng số tiền là: 236.328.025 đồng.

[4] Nhận định về xử lý tài sản bảo đảm:

[4.1] Về hiệu lực hợp đồng thế chấp tài sản: Bên nhận thế chấp do người có thẩm quyền và bên thế chấp đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự ký kết tự nguyện, bảo đảm thủ tục công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 373/17/HĐTC-BĐS/1402-1573 ngày 03-8-2017, có đăng ký giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp tài sản hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết.

[4.2] Về tài sản bảo đảm: Theo Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23-02-2023 thể hiện: Hiện trạng đo đạc diện tích Thửa đất số 574 là 324 m². Tài sản gắn liền trên thửa đất gồm: Nhà số 1 là nhà một tầng, mái ngói đỏ, tường xây gạch chỉ, có diện tích là: (8,68m + 8,57m) / 2 x 5,36m = 46,1m². Nhà số 2 là nhà

một tầng, mái ngói đỏ, tường xây gạch chỉ, có diện tích là 3,4m x 5,9m làm tròn 20 m². Nhà bếp mái lợp tôn proximăng, tường xây gạch chỉ. Nhà tắm, nhà vệ sinh mái lợp tôn proximăng, tường xây gạch chỉ, nền lát đá hoa. Nhà bếp, nhà tắm liền mái có diện tích 6,92m x 3,03m = 20,9m². Sân lát xi măng, cổng hai trụ cổng. Tài sản gắn liền thửa đất được hình thành trước thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp.

[4.3] Bà Hoàng Thúy M cùng vợ chồng ông Nông Văn N, bà Phan Thị P hiện đang sinh sống trên Thửa đất số 574, nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp. Trước khi vay tín dụng, ký kết hợp đồng thế chấp với KBank, vợ chồng ông T, bà D đã vay tín dụng, thế chấp tài sản tại ngân hàng khác, nhưng thanh toán đầy đủ, xóa đăng ký thế chấp. Bà M, vợ chồng ông N, bà P đều không có quyền lợi liên quan tài sản thế chấp, nhưng có nghĩa vụ phải bàn giao nhà đất khi xử lý phát mại tài sản thế chấp. Bà D không cư trú, không có quyền lợi liên quan tài sản thế chấp, nên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4.4] Căn cứ các điều 299, 318; khoản 6 Điều 320 BLDS, thì ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03-8-2017, thì KBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 574 theo Giấy CNQDD số CH891134. Vợ chồng ông T, bà D, bà M, vợ chồng ông N, bà P phải bàn giao tài sản thế chấp khi xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm thanh toán, xử lý tài sản bảo đảm liên quan Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03-8-2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 373/17/HĐTC-BDS/1402-1573 ngày 03-8-2017.

[6] Nhận định về Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán cho KBank theo Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế số 0020/17/TC1402-1573.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng: Ông T, bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.816.401 đồng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Trả lại KBank số tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật. Do không có yêu cầu về chi phí tố tụng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 9, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 23, 27, 28 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào các điều 117, 292, 293, 295, 298, 299, 301, 307, 318, 319, 320, 323, 325, 401 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 17, 46, 47, 53, 54 của Luật Công chứng;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, điểm e khoản 1 Điều 21, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ vào các điều 7, 8, 10 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tính đến ngày 07 tháng 7 năm 2023 là 236.328.025 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, không trăm hai mươi năm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03 tháng 8 năm 2017. Trong đó, dư nợ gốc là: 116.200.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng), dư nợ lãi trong hạn là: 63.828.465 đồng (Sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi năm đồng), dư nợ lãi quá hạn là: 41.916.743 đồng (Bốn mươi một triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng), tiền lãi chậm trả lãi là 14.382.817 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 373/17/HĐTD/1402-1573 ngày 03 tháng 8 năm 2017. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trường hợp ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 373/17/ HĐTD/1402-1573 ngày 03 tháng 8 năm 2017, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 246-A-2, diện tích 324m²; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH891134, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 0463/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 5 năm 2017 cho ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K theo Hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế số 0020/17/TC1402-1573.

3. Về án phí: Ông Trần Ngọc T, bà Nông Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.816.401 đồng (Mười một triệu, tám trăm mười sáu nghìn, bốn trăm linh một đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí là 11.389.000 đồng (Mười một triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh